

BỘ KHOA HỌC, CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 117/2000/QĐ-
BKHCNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2000

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu
phải kiểm tra Nhà nước về chất lượng năm 2000**

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng Hàng hóa ngày 27 tháng 12 năm 1990;
Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ,
quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
Căn cứ Nghị định số 86/CP ngày 08 tháng 12 năm 1995 của Chính phủ quy định
phân công trách nhiệm quản lý Nhà nước về chất lượng hàng hoá;
Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng,*

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành " Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra Nhà nước về chất lượng năm 2000 ".
- Điều 2:** Các tổ chức, cá nhân xuất nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục nói ở Điều 1 và các Cơ quan Kiểm tra Nhà nước về chất lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
- Điều 3:** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các Cơ quan Nhà nước có liên quan tổ chức, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.
- Điều 4:** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

DANH MỤC

Hàng hóa xuất nhập khẩu phải kiểm tra Nhà nước về chất lượng năm 2000

(Ban hành kèm theo Quyết định số 117/2000/QĐ - BKHCNMT ngày 26 /01/2000 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường).

1. Các hàng hóa nhập khẩu

1.1. Phần Bộ Y tế phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

* Cơ quan kiểm tra Nhà nước về chất lượng :

Các Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 1, 2, 3;

Viện Dinh dưỡng, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh và Viện Vệ sinh Dịch tễ Tây Nguyên.

Nhóm	Mã số HS(1)	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
0401		Sữa và kem chưa cô đặc, chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
	0401.10	- có hàm lượng chất béo không quá 1%	- TCVN 5860 - 1994 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế (chỉ tiêu vi sinh).
	0401.20	- có hàm lượng chất béo trên 1% nhưng không quá 6%	- nt -
	0401.30	- có hàm lượng chất béo trên 6%	- nt -
0402		Sữa và kem đã cô đặc, đã pha thêm đường hoặc chất ngọt khác	
	0402.10	- Dạng bột, hạt nhỏ hoặc dưới dạng các thể rắn khác có hàm lượng chất béo không quá 1,5% - Dạng bột, hạt nhỏ hoặc dưới dạng các thể rắn khác có hàm lượng chất	- TCVN 5538-1991 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế

		béo trên 1,5%.	- TCVN 5540-1991 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế.
--	--	----------------	---

(1) Mã số hàng hóa xuất nhập khẩu HS (Harmonized System) được tham khảo theo Biểu Thuế và Danh mục xuất nhập khẩu, do Tổng cục Thống kê ban hành.

Nhóm	Mã số HS	Tên hàng hóa	Căn cứ kiểm tra
0402		- Sữa đặc có đường	- TCVN 5539 - 1991 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế.
1101	1101.10	Bột mỳ hoặc bột meslin ... - Bột mỳ	- TCVN 4359 : 1996 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1507	1507.90	Dầu đậu tương - Dầu đậu tương và các thành phần của dầu đậu tương, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học - Loại khác	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế -nt-
1508	1508.90	Dầu lạc - Dầu lạc và các thành phần của dầu lạc, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học - Loại khác	- TCVN 6047:1995 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế -nt-
1509	1509.90	Dầu ô lưu - Dầu ô lưu và các thành phần của dầu ô lưu, đã hoặc chưa tinh	- TCVN 6046:1995 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế

		chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học - Nguyên chất, đã qua tinh chế - Loại khác	-nt- -nt-
1511	1511.10 1511.90	Dầu cọ - Dầu cọ và các thành phần của dầu cọ, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi hành phần hóa học : - Dạng lỏng (palm olein, palm oil) - Dạng đông đặc để làm nguyên liệu hoặc sản xuất Shortening (palm stearine). - Loại khác	- TCVN 6048:1995 và Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế -nt- -nt- -nt-
1515		- Mỡ và dầu thực vật đông đặc khác và các thành phần của chúng, đã hoặc chưa tinh chế nhưng không thay đổi thành phần hóa học	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1602		Thịt, các bộ phận nội tạng dạng thịt đã chế biến hoặc bảo quản khác - Thịt và các sản phẩm từ thịt đóng hộp	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
1604	1604.13 1604.14	Cá chế biến khác... - Đồ hộp cá trích - Đồ hộp cá Ngừ	Codex Stand 94-1981 28 TCN 106 : 1997 (vi sinh, histamin, hàm lượng kim loại nặng)

1905		-Bánh mỳ, bánh ngọt, bánh quy, các loại bánh khác có hoặc không có chứa cacao	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
2001		Rau, quả, quả hạch và các phần ăn được của cây, đã chế biến hoặc bảo quản bằng giấm hay axit axetic - Đồ hộp rau quả các loại	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế.
2009		Nước quả ép (kể cả hèm rượu nho), nước rau ép chưa lên men và chưa pha rượu có hoặc chưa pha thêm đường hoặc chất ngọt khác - Nước quả ép các loại	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế.
2905	2905.44	Các loại rượu mạch hổ và các chất dẫn xuất của nó - Chất ngọt tổng hợp D-Glucitol/Sorbitol	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế.
2912	2912.41 2912.42	Các chất Andehyt có hoặc không có chức oxy khác ... - Vanilin thực phẩm - Ethylvanilin thực phẩm	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế. -nt-
2924	2924.10	Các hợp chất chức cacboxamid ... - Chất ngọt tổng hợp Aspartam	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế
2925	2925.11	Các hợp chất chức cacboxyimit ...	- Quy định số 867/1998/QĐ-BYT ngày 04/4/1998 của Bộ Y tế